

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1201/ 2025

1	Tên khách hàng	CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL XÓP NHỰA
2	Địa chỉ	B15, đường công nghiệp số 6, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Phường Long Biên, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
3	Tên mẫu	Khí thải
4	Địa điểm lấy mẫu	Địa điểm quan trắc: B15, đường công nghiệp số 6, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Phường Long Biên, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
5	Ký hiệu mẫu	KT01: Khí thải lò hơi (X= 2326124; Y= 593638)
6	Ngày lấy mẫu: 17/09/2025	Ngày phân tích: 18/09/2025 đến 01/10/2025

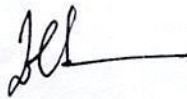
TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT	
				KT01	C	Cmax
1	Lưu lượng	Nm3/h	US EPA Method 2	23340	-	-
2	Bụi (PM)	mg/Nm3	US EPA Method 5	75,94	200	90
3	SO2	mg/Nm3	VNCM.KT.SO2	204	500	225
4	NO2	mg/Nm3	VNCM.KT.NO2	< 1,88 (MDL)	850	382.5
5	CO	mg/Nm3	VNCM.KT.CO	2,28	1000	450

Ghi chú:

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, $K_p=0,9$ ($20.000 \leq P \leq 100.000$ m3/h) và $K_v = 0,5$ (áp dụng cho khu vực Long Biên).
- Cmax: là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm3) $C_{max} = C \times K_p \times K_v$;
- Giá trị C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính nồng độ tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích
- (-): Không quy định trong quy chuẩn

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2025

QA/QC



Tào Văn Chí

TP. PHÂN TÍCH



ThS. Nguyễn Mạnh Tuấn

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Chính Quốc



VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 332

Địa chỉ PTN: Số 23 Lô C2 Khu đô thị Geleximco, Đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội
Điện thoại: 0982.102.121 Email: vncm.info@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1202/ 2025

1	Tên khách hàng	CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL XÓP NHỰA
2	Địa chỉ	B15, đường công nghiệp số 6, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Phường Long Biên, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
3	Tên mẫu	Khí thải
4	Địa điểm lấy mẫu	Địa điểm quan trắc: B15, đường công nghiệp số 6, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Phường Long Biên, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
5	Ký hiệu mẫu	KT01: Mẫu khí thải lò hơi (X= 2326094; Y= 593613)
6	Ngày lấy mẫu: 18/09/2025	Ngày phân tích: 19/09/2025 đến 01/10/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT	
				KT01	C	Cmax
1	Lưu lượng	Nm ³ /h	US EPA Method 2	25506	-	-
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	70,87	200	90
3	SO ₂	mg/Nm ³	VNCM.KT.SO ₂	138,86	500	225
4	NO ₂	mg/Nm ³	VNCM.KT.NO ₂	< 1,88 (MDL)	850	382.5
5	CO	mg/Nm ³	VNCM.KT.CO	7,98	1000	450

Ghi chú:

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, $K_p=0,9$ ($20.000 \leq P \leq 100.000$ m³/h) và $K_v = 0,5$ (áp dụng cho khu vực Long Biên).
- Cmax: là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³) $C_{max} = C \times K_p \times K_v$;
- Giá trị C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính nồng độ tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích
- (-): Không quy định trong quy chuẩn

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2025

QA/QC

Tào Văn Chí

TP. PHÂN TÍCH

ThS. Nguyễn Mạnh Tuấn

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Chính Quốc



VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 332

Địa chỉ PTN: Số 23 Lô C2 Khu đô thị Geleximco, Đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0982.102.121

Email: vncm.info@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1203/ 2025

1	Tên khách hàng	CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL XÓP NHỰA
2	Địa chỉ	B15, đường công nghiệp số 6, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Phường Long Biên, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
3	Tên mẫu	Khí thải
4	Địa điểm lấy mẫu	Địa điểm quan trắc: B15, đường công nghiệp số 6, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Phường Long Biên, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
5	Ký hiệu mẫu	KT01: Mẫu khí thải lò hơi (X= 2326094; Y= 593613)
6	Ngày lấy mẫu: 19/09/2025	Ngày phân tích: 20/09/2025 đến 01/10/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT	
				KT01	C	Cmax
1	Lưu lượng	Nm ³ /h	US EPA Method 2	30780	-	-
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	82,36	200	90
3	SO ₂	mg/Nm ³	VNCM.KT.SO ₂	222,32	500	225
4	NO ₂	mg/Nm ³	VNCM.KT.NO ₂	< 1,88 (MDL)	850	382.5
5	CO	mg/Nm ³	VNCM.KT.CO	14,82	1000	450

Ghi chú:

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, $K_p=0,9$ ($20.000 \leq P \leq 100.000$ m³/h) và $K_v = 0,5$ (áp dụng cho khu vực Long Biên).
- Cmax: là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³) $C_{max} = C \times K_p \times K_v$;
- Giá trị C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính nồng độ tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích
- (-): Không quy định trong quy chuẩn

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

QA/QC

TP. PHÂN TÍCH



Tào Văn Chí

ThS. Nguyễn Mạnh Tuấn

Nguyễn Chính Quốc